SỞ GD & ĐT THANH HÓA
TRƯỜNG THPT HẬU LỘC I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số348 /BC-THPTHLI

Hoa Lộc, ngày 12 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, NĂM 2026

(Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THPT Hậu Lộc I công khai các nội dung sau:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học Phổ thông Hậu Lộc I
2. Mã số cơ sở giáo dục: 038206400003
3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT công lập
4. Địa chỉ: Thôn Phú Lộc, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa
5. Điện thoại: 02373.745103
6. Email:thpt.hauloc1@thanhhoa.edu.vn;
7. Website: http://thpthauloc1.edu.vn.
8. Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa
9. Họ và tên Hiệu trưởng: Phạm Hùng Bích
10. Năm thành lập trường: 1964

II. Công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 80 người. Trong đó gồm có:

- Cán bộ quản lý: 03 người
- Giáo viên giảng dạy: 70 người (tính cả 2 giáo viên hợp đồng NĐ 235)
- Nhân viên phục vụ: 07 người (5 nhân viên hành chính, 2 bảo vệ)

2. Trình độ đào tạo của Cán bộ giáo viên:

- GV Tốt nghiệp đại học trở lên: 73/73 người (100%)
- GV là Thạc sĩ: 15 người (20,5%)
- Cơ cấu tổ: 09 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng:

Tổ Toán: 12
Tổ Hóa: 7(1 nhân viên TV)
Tổ Vật lí: 7
Tổ Sinh – CN: 8
Tổ Ngữ văn: 10
Tổ Lịch sử - Địa lí: 8
Tổ Ngoại ngữ: 9
Tổ GDTC-QPAN: 7(1 nhân viên TB-TN)
Tổ Tin-KTPL: 7
Tổ văn phòng: 5

3. Số lượng giáo viên theo từng môn học:

Toán (11), Văn (10), Lý (7), Hóa (5), Sinh (4), Sử (4), Địa (4), Ngoại ngữ (9), GDKTPL (3), Tin học (4), Công nghệ CN (2), Công nghệ NN (1); GDTC (5), QPAN 5 (trong 5 Giáo viên dạy QPAN có 4 giáo viên dạy bộ môn GDTC).

4. Số lớp - số học sinh: Gồm 34 lớp = 1549 HS

+ Khối 10: 12 lớp = 541 HS
+ Khối 11: 11 lớp = 492 HS
+ Khối 12: 11 lớp = 516 HS.

III. Công khai cơ sở vật chất

Trường THPT Hậu Lộc I duy trì vững chắc các tiêu chuẩn/ tiêu chí Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2. Hệ thống cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng đầy đủ yêu cầu dạy học Chương trình GDPT 2018.

1. Thống kê cơ sở vật chất và khối phòng học

- Diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích nhà trường là 18080 m2, trong đó diện tích xây dựng là 7832 m2, còn lại khu sân chơi, khu giáo dục thể chất, xung quanh trường xây dựng tường rào kiên cố và hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ.

- Khối phòng học lý thuyết: Có 33 phòng học kiên cố cho 33 lớp học (gồm khu nhà 3 tầng 15 phòng xây năm 2009, khu nhà 3 tầng 09 phòng xây năm 2011 và khu nhà 2 tầng với 9 phòng học xây năm 1999). 100% phòng học được trang bị tivi thông minh và bảng trượt.

- Khối phòng phục vụ học tập và bộ môn: Khu nhà học bộ môn 03 tầng có 08 phòng thực hành (Lý 01, Hóa 01, Sinh 01, Tin học 03, Ngoại ngữ 02), 03 phòng tổ chuyên môn và phòng truyền thống. Ngoài ra Nhà trường còn có 01 Nhà tập đa năng; Thư viện (kho sách, 01 phòng đọc sách dành giáo viên, 01 phòng đọc sách dành cho học sinh); 01 Phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; 01 phòng y tế học đường .

- Khối phòng hành chính quản trị: Tòa nhà 03 tầng xây năm 2014, đầy đủ các phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Phòng Họp Hội đồng, phòng Kế toán, Văn thư, thủ quỹ, phòng Ban nền nếp, phòng Tư vấn tâm lý học đường và các vấn đề xã hội trường học và các phòng làm việc của Tổ chuyên môn.

- Khu giáo dục thể chất: với 01 nhà tập Đa năng, 01 nhà kho, 01 lò đốt rác, các sân bóng rổ, sân bóng chuyền, hố nhảy xa, sân đẩy tạ

- Bên cạnh đó nhà trường còn có các phòng đa chức năng, 01 phòng lưu trữ, 02 phòng bảo vệ cho hai cổng, các khu nhà để xe cho học sinh, khu nhà vệ sinh chung và các phòng vệ sinh đi kèm các tầng ở các khối nhà

- Nhà vệ sinh, nước sạch, phòng y tế, PCCC: Đảm bảo theo quy định

- Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, CSVC: Có

2. Thiết bị dạy học, Sách giáo khoa và Thư viện

- Thiết bị dạy học: Được trang bị đầy đủ danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT cho khối 10; tăng cường thiết bị giáo dục STEM/STEAM và thiết bị ứng dụng Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo (AI).

- Sách giáo khoa và Thư viện: 100% danh mục Sách giáo khoa được phê duyệt đúng quy định; thư viện nhà trường đạt chuẩn Mức độ 2, sở hữu hàng ngàn đầu sách tham khảo và kết nối hệ thống thư viện số phục vụ khai thác tài nguyên trực tuyến.

IV. Công khai kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tình trạng kiểm định chất lượng:

Số 3460/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hoá, ngày 26 tháng 9 năm 2023 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp về việc công nhận và cấp Bằng công nhận Trường Trung học phổ thông Hậu Lộc I, huyện Hậu Lộc đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

2. Kế hoạch và kết quả tự đánh giá:

- Thực hiện lần gần nhất: Đang thực hiện

3. Biện pháp cải tiến chất lượng:

- Xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng hằng năm
- Tăng cường đầu tư chuyên môn, cơ sở vật chất, đội ngũ
- Giữ vững an ninh an toàn trường học

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Hiệu trưởng

V. Công khai kết quả hoạt động giáo dục (năm học 2025-2026)

1. Kết quả rèn luyện, hạnh kiểm: Toàn trường có 1473 học sinh

Loại tốt có 1389 HS =94,30%
Loại khá: 74 HS = 5,02%;
Loại đạt: 10 HS = 0,68%;
Loại chưa đạt: 0

2. Kết quả học lực:

Loại tốt: 919 HS = 62,39%
Loại khá: 537 HS = 36,46%;
Loại đạt: 17 HS =1,15%;
Loại chưa đạt: 0

3. Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng: 100 %
4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT: 99,8 %
5. Tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng trên 70%
6. Kết quả thi, hội thi các cấp:

- HSG cấp Trường:
  + Thi HSG TDTT cấp trường: đạt 119 giải
  + Thi HSG văn hóa cấp trường: đạt 627 giải
- HSG văn hóa cấp Tỉnh: đạt 48 giải, xếp thứ 2 toàn Tỉnh
- HSG TDTT cấp tỉnh: Đạt 1 giải Nhì, 2 giải Na, 6 giải KK. Đạt giải Nhì nội dung Điền kinh toàn Tỉnh.
-Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh: đạt 1 giải Ba.
- Thi Olimpic Tiếng Anh toàn tỉnh: đạt 1 giải Ba
- Thi tìm hiểu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa: đạt 1 giải Ba, 1 giải KK
- Thi an toan giao thông: đạt 1 giải KK
- Thi Tin học trẻ Thanh Hóa: đạt 1 giải KK.
- Thi Sáng kiến phòng chống bạo lực học đường cấp Tỉnh: đạt 1 giải KK.
- Thi tài năng MC toàn quốc: đạt 1 giải Nhì
- Đại hội TDTT cấp Tỉnh: đạt 3 HCV, 9 HCB, 3 HCĐ

7. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

- Thực hiện đầy đủ theo CT 2018, mời chuyên gia tư vấn hướng nghiệp cho học sinh
- Đoàn trường tổ chức thêm các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

8. Biện pháp nâng cao chất lượng:

- Nâng cao chất lượng giờ dạy
- Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt
- Đổi mới kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT, AI trong dạy học, kiểm tra đánh giá.
- Tăng cường phối hợp giữa gia đình – nhà trường và tổ chức xã hội, phối hợp với công an xã Hoa Lộc trong việc đảm bảo an ninh an toàn trường học.

9. Khen thưởng của cấp trên:

Nhà trường được UBND Tỉnh tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

VI. Công khai kết quả hoạt động tài chính

1. SỐ LIỆU THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CHI TIẾT NHƯ SAU:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	(5=4-3)
I	**Thu NSNN (trong đó)**			
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.573.206.000	18.573.206.000	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.324.306.000	3.324.306.000	0
II	**Chi NSNN (trong đó)**			
2.1	**Chi nhiệm vụ thường xuyên**	**18.573.206.000**	**18.573.206.000**	**0**
2.1.1	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	17.332.918.535	17.332.918.535	0
2.1.2	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	589.903.765	589.903.765	0
2.1.3	Chi phí khác của hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, dịch vụ	650.383.700	650.383.700	0
2.2	**Chi nhiệm vụ không thường xuyên**	**3.324.306.000**	**3.324.306.000**	**0**

2.2.1	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	1.163.084.000	1.163.084.000	0
2.2.2	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	960.437.000	960.437.000	0
2.2.3	Chi phí hoạt động khác	1.200.785.000	1.200.785.000	0

2. SỐ LIỆU THU CHI NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CHI TIẾT NHƯ SAU:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số thu năm trước chuyển sang	Số thu năm nay	Số chi năm nay	Số chuyển sang năm sau
	TỔNG CỘNG	**252.306.950**	**3.513.030.491**	**2.906.847.565**	**858.489.876**
1	Học phí	19.232.200	1.680.244.600	1.125.618.000	573.858.800
2	Thu tiền Học thêm năm học 2024-2025		1.081.668.000	1.077.668.000	4.000.000
3	Tuyển sinh vào 10		139.320.000	138.519.500	800.500
4	Gửi xe		260.359.600	217.977.800	42.381.800

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC 2025 - 2026 NHƯ SAU:

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ H/S ĐƯỢC HƯỞNG	ĐỊNH MỨC	THÁNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	**Hỗ trợ chi phí học**				**27.900.000**	
1	Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I (2025 - 2026)	24	150.000	4	14.400.000	

2	Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II (2025-2026)	18	150.000	5	13.500.000	
II	**Miễn học phí**				**2.655.800.000**	
1	Miễn học phí học kỳ I (2025-2026)	1476	200.000	4	1.180.800.000	
2	Miễn học phí học kỳ II (2025-2026)	1475	200.000	5	1.475.000.000	
III	**Học bổng học sinh khuyết tật**				**16.848.000**	
1	Học bổng học sinh khuyết tật kỳ I năm học 2025-2026	1	1.872.000	4	7.488.000	
2	Học bổng học sinh khuyết tật kỳ II năm học 2025-2026	1	1.872.000	5	9.360.000	

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025-2026

TT	Nội dung	Thu (VNĐ)	Chi (VNĐ)
I	**BHYT (Bắt buộc)** với mức thu 52.650 đồng/HS/tháng	**845.875.500**	**845.875.500**
	Nộp BHXH		845.875.500
II	**Các khoản thu dịch vụ hoạt động GD**		
1	**Tuyển sinh vào lớp 10 (270.000 đồng/HS)**	**139.320.000**	**138.519.500**
	Chi cho công tác tuyển sinh gồm:		**138.519.500**
	- Nộp lệ phí tuyển sinh		8.080.800
	- Chi phí cho hội đồng làm nhiệm vụ coi thi		98.580.000
	- Chi phí công tác phục vụ tuyển sinh và chi phí khác		31.859.500

2	**Học phẩm thi, kiểm tra (80.000 đồng/HS/năm học)**	**115.120.000**	**75.129.541**
	- Chi mua giấy thi giấy nháp		5.036.541
	- Chi mua văn phòng phẩm phục vụ năm học 2025-2026		70.093.000
III	**Các khoản hỗ trợ hoạt động GD**		
1	Tiền trông xe (thu theo tháng hoặc theo học kỳ): - Xe đạp: 15.000 đồng/xe/tháng - Xe máy điện, xe dưới 50cc: 30.000 đồng/xe/tháng	**224.085.000**	**126.364.250**
	Chi nộp thuế		11.204.250
	Chi tiền công		100.680.000
	Chi khác		14.480.000
2	**Sổ liên lạc điện tử (50.000 đồng/HS/năm học)**	**73.750.000**	**73.750.000**
	Thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp VNPT		73.750.000
3	**Nước uống thu theo tháng (8.000 đồng/HS/tháng)**	**103.544.000**	**103.544.000**
	Chi mua nước và hợp đồng với đơn vị cung cấp nước		103.544.000

5. Dự toán kế hoạch thu các nguồn ngoài ngân sách năm học 2026 - 2027

(Dự toán lập dựa trên quy mô số lượng học sinh thực tế là 1549 học sinh)

STT	Tên nguồn thu dịch vụ	Phương thức lập dự toán chi tiết	Tổng dự toán thu (VNĐ)
1	Bảo hiểm y tế (BHYT) học sinh	1400 học sinh x 683.100 đồng	656.340.000
2	Dịch vụ trông giữ xe học sinh	- Xe đạp: 300 HS đi xe đạp x 20.000 đồng x 9 tháng. - Xe máy điện, xe dưới 50cc: 700 HS đi xe máy x 40.000 đồng x 9 tháng	54.000.000 252.000.000

3	Dịch vụ nước uống học sinh	1512 học sinh x 12.000 đồng x 9 tháng	163.296.000
4	Dịch vụ sổ liên lạc điện tử (vnEdu)	1549 học sinh x 50.000 đồng	77.450.000
5	Dịch vụ học phẩm phục vụ thi, kiểm tra	1512 học sinh x 84.000 đồng	127.008.000
Tổng	**Tổng dự toán thu ngoài ngân sách**		**1.330.094.000**

6. Tình hình trích lập các Quỹ và kinh phí chuyển năm sau

- Tình hình trích lập các Quỹ trong năm 2025:
+ Quỹ PTHĐSN: 218.148.918 đồng
+ Quỹ Phúc lợi: 509.907.800 đồng
+ Quỹ TNTT: 180.000.000 đồng
+ Quỹ Khen thưởng: 250.000.000 đồng
- Tình hình kinh phí mang sang năm 2026:
+ Kinh phí cải cách tiền lương trích lập năm 2025: **512.009.160 đồng**

7. Cam kết về công tác quản lý tài chính và phòng chống lạm thu

- Thu qua tài khoản ngân hàng: Mọi khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đều được nhà trường thực hiện thu qua tài khoản ngân hàng chính thức của trường để kiểm soát dòng tiền công khai, minh bạch.
- Lưu trữ chứng từ: Tất cả hóa đơn, chứng từ tài chính được lưu trữ đầy đủ, hợp pháp tại phòng Kế toán dưới sự kiểm tra, giám sát định kỳ của Ban Thanh tra nhân dân.
- Cam kết phòng chống lạm thu: Nhà trường cam kết tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng thu sai danh mục, thu vượt mức quy định hoặc lạm thu dưới bất kỳ hình thức nào trong học đường.

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Triển khai chương trình GDPT 2018 đúng kế hoạch, đủ nội dung
2. Tổ chức hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin
3. Bồi dưỡng đội ngũ thường xuyên, tham gia đầy đủ tập huấn chuyên môn
4. Tăng cường phát triển toàn diện học sinh, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật cho học sinh
5. Thực hiện quy chế dân chủ, cải tiến phương pháp quản lý và giảng dạy
6. Đảm bảo an toàn trường học, PCCC, phòng chống dịch bệnh
7. Tham gia đầy đủ các hoạt động, hội thi, phong trào ngành và địa phương

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT Thanh Hóa (để b/c);
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên;
- Công khai tại Cổng thông tin điện tử của nhà trường;
- Lưu VT;

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẬU LỘC I

Phạm Hùng Bích